TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn,
tranh chấp Hợp đồng vay tài sản,
yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bình Nguyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2024/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn, tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Pha**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp Bình Đông, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông Huỳnh Minh Tuấn, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Hưng Quí, xã Hưng Phong, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Minh Quan**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp Bình Đông, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Huỳnh Văn Trung**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Bình Đông, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Ông **Huỳnh Văn Thuận**, sinh năm 1950.

Địa chỉ: ấp Bình Đông, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng Pha trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Huỳnh Minh Quan quen biết nhau trên cơ sở tự nguyện, tiến tới hôn nhân, có làm đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại ấp Bình Đông, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 3/2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi dẫn đến bất hòa, mất hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Quan.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống, vợ chồng có tạo lập được thửa đất số 460, tờ bản đồ số 34, diện tích 317,6m² tọa lạc xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và một ngôi nhà tường xây dựng trên đất vào năm 2016, diện tích khoảng 70m², kết cấu: nền lót gạch, vách tường, cột bêtông, lợp tôn, la phong, sơn nước... Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng bà (cha mẹ ông Quan) đã cho trong thời kỳ hôn nhân, khi cho thì nói miệng là cho vợ chồng bà nhưng khi làm thủ tục thì ông Quan đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn nhà này bà và ông Quan cùng nhau xây cất mới trên phần đất được cha mẹ chồng cho vì lúc này bà và ông Quan đã ra ở riêng không còn ở chung với cha mẹ chồng. Giá đất của thửa 460 nói trên khoảng 1.500.000đ/m², thửa đất có giá khoảng 476.400.000 đồng, trị giá căn nhà khoảng 400.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung của vợ chồng (nhà và đất) khoảng: 876.400.000 (tám trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn) đồng. Bà yêu cầu ông Quan giao lại bà 50% giá trị tài sản chung là 438.200.000 (bốn trăm ba mươi tám triệu, hai trăm nghìn) đồng.

Về con chung: bà và ông Quan có 02 con chung là Huỳnh Nhã Trân, sinh ngày 04/9/2016 và Huỳnh Gia Hưng, sinh ngày 23/7/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con chung, từ khi sống ly thân đến nay hai con đang sống chung với bà. Cháu Gia Hưng còn nhỏ và hay bệnh nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng là phù hợp và bà sẽ tạo điều kiện cho ông Quan thăm con chung. Đối với cháu Nhã Trân thì Nhã Trân có ý kiến là muốn sống với mẹ nên bà vẫn giữ nguyên ý kiến là yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.200.000 đồng/tháng (một triệu hai trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 03/4/2025 bà Pha thay đổi yêu cầu, bà không yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao cho bà và ông Quan mỗi người nuôi một cháu thì bà không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không có.

Trong thời gian chung sống thì vợ chồng bà có mượn tiền để mua đất, bà cũng có mượn ông Huỳnh Văn Trung (là em ruột của ông Quan) và cũng có trả. Tuy nhiên đối với số tiền 80.000.000 đồng mà ông Trung khởi kiện yêu cầu bà và ông Quan có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trung thì bà không biết do thời gian này vợ chồng đã

làm ăn riêng và cũng đã giải quyết nợ nần xong. Ông Quan mượn của ông Trung thì ông Quan có trách nhiệm trả, bà không đồng ý theo yêu cầu độc lập của ông Trung.

Ngày 09/4/2025 bà Pha có yêu cầu khởi kiện bổ sung để yêu cầu: huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 05/9/2024 giữa ông Huỳnh Minh Quan và ông Huỳnh Văn Thuận đối với thửa đất số 460, tờ bản đồ số 34, diện tích 316,7m^2, toạ lạc tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Yêu cầu Toà án kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 460, tờ bản đồ số 34, diện tích 316,7m^2 toạ lạc tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre lại cho ông Huỳnh Minh Quan theo quy định pháp luật.

Ông Huỳnh Minh Tuấn trình bày về phần tài sản chung của bà Pha và ông Quan: sau khi kết hôn thì cha chồng bà Pha là ông Huỳnh Văn Thuận có cho hai vợ chồng bà Pha phần đất thửa 460, tờ bản đồ 34, diện tích 317,6m^2 toạ lạc tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi được cho đất thì vợ chồng bà Pha xây dựng một căn nhà trên đất diện tích khoảng 70m^2, hiện căn nhà đang do ông Quan quản lý, sử dụng. Giá trị phần đất khoảng 476.400.000 đồng, giá trị phần nhà khoảng 400.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản chung khoảng 876.400.000 đồng. Nay bà Pha yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản chung là 438.200.000 đồng.

Trong biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Huỳnh Minh Quan trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Hồng Pha có đăng ký kết hôn vào ngày 22/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong cuộc sống hôn nhân ông nhận thấy không có lỗi lầm gì. Cá nhân bà Pha không còn tình cảm vợ chồng nên đơn phương nộp đơn ly hôn, để chia tài sản đất và căn nhà. Nay theo yêu cầu xin ly hôn của bà Pha thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà Pha có 02 con chung như bà Pha trình bày. Hiện cả hai con chung đang sống với bà Pha. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Gia Hưng, bà Pha nuôi dưỡng Huỳnh Nhã Trân, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vào năm 2016, cha ông là ông Huỳnh Văn Thuận có tặng cho riêng ông thửa đất số 460, tờ biên bản số 34, diện tích 317,6m^2, tọa lạc tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre để vợ chồng ông cùng xây nhà, có nơi ở ổn định sinh sống. Đây là tài sản riêng của ông không phải tài sản chung vợ chồng. Sau khi được cho đất, ông và bà Pha có xây dựng trên đất căn nhà có diện tích 62,5m^2 với giá trị xây dựng là 180.000.000 đồng. Thửa đất trên ông đã chuyển lại cho cha ông và do chỉ là tài sản của riêng ông nên lúc chuyển lại cho cha ông không có bà Pha ký tên vào hồ sơ chuyển đất. Về tờ giấy thỏa thuận về tài sản mà bà Pha cung cấp ông không có viết và không có ký tên. Phần căn nhà ông không đồng ý chia giá trị cho bà Pha vì sẽ để lại cho con chung sau này sinh sống.

Thời gian chung sống vợ chồng ông có mua hai công đất chung. Trong hai năm gần đây bà Pha đã gây ra nợ riêng. Vì thương vợ nên ông đã bán hai công đất

đó để trả nợ riêng cho bà Pha. Nhưng khi trả hết nợ bà Pha lại đòi ly hôn ông và đòi chia thêm căn nhà đang chung sống hiện tại, tài sản tiền bạc không còn nữa, chỉ còn căn nhà để lại cho 2 con.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống vợ chồng ông có vay của ông Huỳnh Văn Trung (là em ruột của ông) số tiền 80.000.000 đồng, cụ thể: vào ngày 20/12/2023 vay của ông Huỳnh Văn Trung số tiền là 40.000.000 đồng; ngày 09/03/2024 vay thêm 40.000.000 đồng, lãi vay hàng tháng là 1%, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình, lúc vay ông đứng ra vay một mình không có nói cho bà Pha biết vì sợ bà Pha biết sẽ rầu lo. Nay nếu ly hôn thì ông yêu cầu chia số nợ trên mỗi người trả cho ông Trung 40.000.000 đồng.

Theo đơn yêu cầu độc lập ông Huỳnh Văn Trung trình bày:

Ông là em ruột của ông Quan. Ngày 20/12/2023, ông Quan có mượn của ông số tiền 40.000.000 đồng, ông Quan nói mục đích là để có vốn làm ăn, xoay sở kinh tế gia đình. Đến ngày 09/3/2024, ông Quan tiếp tục mượn số tiền 40.000.000 đồng và nói là để xoay sở các khoản nợ khác. Do anh em trong gia đình nên trước đó ông cho mượn tiền không có làm giấy tờ. Đến lần mượn tiền sau thì ông biết hai vợ chồng ông Quan có mâu thuẫn nên ông có yêu cầu viết giấy nợ. Ông cho hai vợ chồng bà Pha, ông Quan mượn tiền trong thời kỳ hôn nhân, nếu vợ chồng chung sống hoà thuận thì ông cho trả dần số tiền đã mượn, trường hợp vợ chồng ông Quan ly hôn thì ông yêu cầu ông Quan và bà Pha phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến và tại phiên toà ông Huỳnh Văn Thuận trình bày:

Vào năm 2016 ông có tổ chức cưới hỏi để ông Quan và bà Pha về chung sống với nhau. Sau khi kết hôn ông thấy vợ chồng chung sống thuận thảo nên có cho ông Quan một phần đất để vợ chồng cất nhà sinh sống. Đến năm 2020, ông làm thủ tục tặng cho ông Quan đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này ông tặng cho riêng con ông là ông Quan, không liên quan gì đến bà Pha. Thời gian sau này ông Quan và bà Pha thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không được thuận thảo nên ông đã yêu cầu ông Quan thực hiện thủ tục tặng cho thửa đất này lại cho ông. Hiện ông đang đứng tên thửa đất số 460. Ông khẳng định thửa đất này là của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng bà Pha, ông Quan nên bà Pha yêu cầu chia tài sản chung ông không đồng ý. Ông cũng không đồng ý với yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông và ông Quan đối với thửa đất 460 vì ông và ông Quan đã thực hiện thủ tục tặng cho đúng theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà:

Bà Pha trình bày: bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và ý kiến về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà đồng ý với biên bản định giá ngày 20/02/2025.

Ông Quan trình bày:

Về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà Pha. Về con chung ông đồng ý để bà Pha tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo

khả năng của ông mỗi tháng, mỗi cháu 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc cấp dưỡng ông và bà Pha sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án ghi nhận.

Về tài sản chung: ông không đồng ý chia tài sản chung là thửa đất 460. Đối với căn nhà trên đất thì ông đồng ý chia cho bà Pha giá trị căn nhà nhưng ông yêu cầu được nhận 60%, bà Pha nhận 40% vì ông cho rằng ông có đóng góp nhiều hơn bà Pha trong việc xây dựng nhà. Ông đồng ý với biên bản định giá ngày 20/02/2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Áp dụng các Điều 43, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Pha, cụ thể:

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng Pha được ly hôn với ông Huỳnh Minh Quan.

- Về con chung: Giao 02 con chung Huỳnh Nhã Trân, sinh ngày 04/9/2016 và Huỳnh Gia Hưng, sinh ngày 23/7/2019 cho bà Pha tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận bà Pha không yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Vì lợi ích của con chung, bà Pha có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Minh Quan có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 460, tờ bản đồ 34, diện tích 317,6m^2 toạ lạc tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do ông Thuận đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không chấp nhận yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/9/2024 giữa ông Quan và ông Thuận.

Chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản chung là căn nhà trên thửa đất 460, ông Quan nhận nhà và có nghĩa vụ hoàn trả ½ giá trị căn nhà cho bà Pha theo biên bản định giá ngày 20/02/2025.

Về nợ chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trung, buộc ông Quan có nghĩa vụ trả cho ông Trung số tiền 80.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trung về việc buộc bà Pha có trách nhiệm liên đới cùng ông Quan trả số tiền 80.000.000 đồng cho ông Trung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[1.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* bà Pha và ông Quan chung sống trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hoà, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/6/2016 nên quan hệ hôn nhân của ông, bà được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bà Pha cho rằng trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp. Do bà Pha nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Quan được nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông Quan. Ông Quan thì cho rằng trong cuộc sống hôn nhân cũng có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là về kinh tế, tiền bạc. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Pha thì ông cũng đồng ý. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà Pha và ông Quan đã xảy ra những mâu thuẫn nhưng ông bà không có biện pháp để hàn gắn tình cảm gia đình. Mặc khác, bà Pha và ông Quan đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2024 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau như vợ, như chồng, không có thời gian đoàn tụ. Điều này chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của bà Pha và ông Quan đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông Quan cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Pha. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Pha là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] *Về con chung:* bà Pha và ông Quan có 02 con chung là Huỳnh Nhã Trân, sinh ngày 04/9/2016 và Huỳnh Gia Hưng, sinh ngày 23/7/2019, hiện đang sống chung với bà Pha. Bà Pha yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: từ khi bà Pha và ông Quan sống ly thân cho đến nay, bà Pha là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Cháu Nhã Trân có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Đồng thời, tại phiên toà, ông Quan cũng đồng ý để bà Pha tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, giao cháu Nhã Trân và cháu Gia Hưng cho bà Pha được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tuy nhiên, bà Pha không yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Pha, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.3] *Về tài sản chung:*

Nguyên đơn bà Pha cho rằng tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 460, tờ bản đồ số 34 diện tích 317,6m² tọa lạc xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là thửa đất số 460) (theo biên bản định giá có giá trị 350.000 đồng/m^2) và căn nhà trên đất (theo biên bản định giá có giá trị tổng cộng là 199.204.800 đồng), tổng giá trị nhà đất (111.160.000 đồng + 199.204.800 đồng) là 310.364.800 đồng. Bà Pha yêu cầu nhận ½ giá trị nhà đất là 155.182.400 đồng.

Ông Quan thì cho rằng thửa đất 460 không phải là tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Pha. Đối với căn nhà thì ông xác định là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chia nhưng chia theo tỷ lệ 6:4, ông nhận 6 phần bà Pha nhận 4 phần.

[1.3.1] *Xét yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất 460:*

Theo quy trình, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có trong hồ sơ, nhận thấy: Hộ ông Huỳnh Văn Thuận được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 460, tờ bản đồ số 34 diện tích 317,6m², tọa lạc xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/10/2018. Ngày 16/3/2020 hộ ông Huỳnh Văn Thuận gồm có ông Huỳnh Văn Thuận, bà Trần Thị Có, ông Huỳnh Minh Thương, bà Huỳnh Thị Kim Phương, ông Huỳnh Văn Trung, bà Huỳnh Thị Ngọc Khuyến, ông Huỳnh Minh Quan thực hiện ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất 460 nêu trên cho ông Huỳnh Minh Quan. Ngày 13/4/2020 ông Huỳnh Minh Quan được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoản 2 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng*".

Đồng thời tại khoản 1 Điều 43 quy định các loại tài sản riêng của vợ, chồng gồm: "*Tài sản mỗi người có trước khi kết hôn; Tài sản mỗi người được thừa kế riêng, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; Tài sản mà vợ, chồng được chia riêng theo quy định tại các Điều 38, 39 và 40 của Luật này; Tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng; Tài sản khác thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ chồng*"

Bà Pha và ông Quan đều thừa nhận thửa đất 460 có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn Thuận. Bà Pha thì cho rằng ông Thuận cho vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ông Quan thì cho rằng ông Thuận tặng cho riêng ông. Bà Pha và ông Quan kết hôn với nhau vào năm 2016 đến năm 2020 ông Quan được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua việc tặng cho từ hộ ông Huỳnh Văn Thuận. Ông Huỳnh Minh Thuận xác định ông tặng cho thửa đất 460 cho riêng con của ông là Huỳnh Minh Quan, không liên quan gì đến bà Pha. Bà Pha cho rằng thời điểm ông Quan được tặng cho đất bà không biết, sau khi ông Quan được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà mới biết. Tuy nhiên, tại thời điểm biết được việc ông Quan được tặng cho quyền sử dụng đất, bà không có ý kiến, không có tranh chấp hay khiếu nại, cũng không yêu cầu thực hiện thủ tục theo quy định

pháp luật để ông, bà cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ xác định tại thời điểm ông Quan được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của ông Quan được tặng cho riêng.

Đối với Giấy thỏa thuận về tài sản ngày 20/8/2024 có nội dung thỏa thuận tài sản chung của bà Pha và ông Quan là thửa đất 460 và căn nhà trên đất cùng dụng cụ sinh hoạt trong nhà là tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy, ông Quan cho rằng ông không ký tên vào giấy này, tuy nhiên theo kết luận giám định số 76/2025/KL-KTHS ngày 03/3/2025 thì chữ ký và chữ viết là của ông Huỳnh Minh Quan. Như vậy, có cơ sở xác định ông Quan đã ký tên vào văn bản này.

Điều 46 Luật hôn nhân và gia đình quy đinh về việc nhập tài sản riêng của vợ, chồng vào tài sản chung như sau:

"1. *Việc nhập tài sản riêng của vợ, chồng vào tài sản chung được thực hiện theo thỏa thuận của vợ chồng.*

2. Tài sản được nhập vào tài sản chung mà theo quy định của pháp luật, giao dịch liên quan đến tài sản đó phải tuân theo hình thức nhất định thì thỏa thuận phải bảo đảm hình thức đó…"

Ngoài ra, Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 133 Luật Đất đai 2024, trường hợp chuyển nhà, đất là tài sản riêng của vợ hoặc của chồng thành tài sản chung của vợ chồng thì phải đăng ký biến động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy, mặc dù giữa bà Pha và ông Quan có thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng nhưng chưa thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản cụ thể là đăng ký biến động. Do đó, thỏa thuận của bà Pha và ông Quan không có giá trị pháp lý.

Ngày 05/9/2024 ông Huỳnh Minh Quan ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn Thuận. Ngày 24/9/2024 ông Huỳnh Văn Thuận được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 460. Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất 460 không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Pha và ông Quan. Do đó, yêu cầu chia tài sản chung của bà Pha là thửa đất 460 không có cơ sở được chấp nhận.

[1.3.2] *Xét yêu cầu chia tài sản chung là nhà:*

Bà Pha và ông Quan đều thừa nhận căn nhà trên thửa đất 460 do vợ chồng cùng xây cất trong quá trình chung sống và đều xác định là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, cần chia tài sản chung là căn nhà nêu trên. Do căn nhà được xây cất trên thửa đất 460 hiện do ông Thuận đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Quan đang quản lý sử dụng nên việc bà Pha yêu cầu nhận giá trị là phù hợp. Ông Quan cho rằng ông có công sức đóng góp nhiều hơn nên yêu cầu được chia theo tỷ lệ 6:4, ông nhận 6 phần, bà Pha nhận 4 phần.

Theo khoản 2, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"*Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng; b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập; c) Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có*

điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập; d) Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng".

Ông Quan cho rằng ông có đóng góp nhiều hơn bà Pha trong việc xây dựng căn nhà nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Pha về việc chia ½ giá trị căn nhà. Theo kết quả định giá thì căn nhà có tổng giá trị 199.204.800 đồng. Ông Quan được tiếp tục sử dụng căn nhà chính có kết cấu: nhà móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng xây gạch dày 10cm, trần nhựa, nền lát gạch ceramic, mái tôn tráng kẽm có diện tích 63m^2; nhà sau có kết cấu: cột bê tông đúc sẵn, vách gỗ tạp, nền lát gạch ceremic, mái tôn tráng kẽm có diện tích 12,5m^2. Ông Quan có nghĩa vụ giao lại cho bà Pha ½ giá trị căn nhà là 99.602.400 (chín mươi chín triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm) đồng.

[1.4] *Xét yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất:*

Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Minh Quan và ông Huỳnh Minh Thuận đối với thửa đất 460 xét thấy: về hình thức hợp đồng: Hợp đồng được công chứng chứng thực tại UBND Bình Thành, số chứng thực 561 quyển số 02 – SCT/HĐ,GD ngày 05/9/2024 phù hợp với quy định tại Điều 502 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 3 Điều 27 Luật Đất đai 2024.

Như nhận định trên, xác định tài sản riêng của ông Quan nên ông Quan được quyền định đoạt và thực hiện giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất là phù hợp. Do đó không chấp nhận yêu cầu của bà Pha về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Quan và ông Thuận đối với thửa đất 460.

[2] *Xét yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Minh Trung:*

Ông Trung yêu cầu ông Quan và bà Pha phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông tổng số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, căn cứ ông Trung khởi kiện là Giấy mượn tiền có chữ ký chữ viết họ tên người cho mượn là Huỳnh Văn Trung, người mượn là Huỳnh Minh Quan. Ông Quan thừa nhận có vay của ông Trung tổng số tiền 80.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông Trung số tiền này nên ghi nhận.

Xét yêu cầu bà Pha có nghĩa vụ liên đới nhận thấy: Ông Quan yêu cầu bà Pha phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông do tiền này ông mượn trong thời kỳ hôn nhân. Bà Pha trình bày bà và ông Quan không có nợ chung. Số tiền ông Quan vay của ông Trung bà không biết. Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy mượn tiền không có chữ ký của bà Pha. Ông Trung, ông Quan thừa nhận khi ông Quan mượn tiền của ông Trung thì bà Pha không biết. Ông Quan cho rằng mục đích ông Quan mượn tiền là để xoay sở trả nợ của bà Pha nhưng ông Quan không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà Pha không thừa nhận nội dung này. Ông Trung trình bày, ông yêu cầu bà Pha có nghĩa vụ liên đới cùng ông Quan trả tiền cho ông vì trước đó bà Pha cũng có mượn tiền của ông, ông Quan không biết nhưng ông Quan cũng trả tiền. Lý do ông Trung đưa ra là không phù hợp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông Trung về việc yêu cầu bà Pha có nghĩa vụ liên đới cùng ông Quan trả tiền vốn vay cho ông Trung.

Từ những phân tích trên, cần buộc ông Quan có nghĩa vụ trả cho ông Trung số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng, ông Trung không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[3] *Về án phí:*

[3.1] Bà Pha phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá gạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà bà Pha được chia là 4.980.120 đồng (99.602.400 đồng x 5%); chịu án phí dân sự không có giá ngạch tương ứng đối với yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tổng cộng là 5.580.120 (năm triệu năm trăm tám mươi nghìn một trăm hai mươi) đồng.

[3.2] Ông Quan phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản mà ông Quan được chia là 4.980.120 đồng (99.602.400 đồng x 5%).

[3.3] Yêu cầu của ông Trung được chấp nhận nên ông Quan phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 4.000.000 đồng (80.000.000 đồng x 5%).

Hoàn lại cho ông Trung số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí tố tụng (định giá tài sản 700.000 đồng, giám định 3.787.000 đồng, thu thập quy trình chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 366.000 đồng) tổng cộng là: 4.853.000 đồng. Buộc ông Quan chịu phi phí giám định là 3.787.000 đồng, bà Pha chịu chi phí còn lại là: 1.066.000 đồng. Do bà Pha đã nộp đủ chi phí tố tụng nên buộc ông Quan có nghĩa vụ trả lại cho bà Pha số tiền 3.787.000 đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng 43, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Pha.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Pha. Bà Nguyễn Thị Hồng Pha được ly hôn với ông Huỳnh Minh Quan.

2. *Về con chung:* ghi nhận bà Nguyễn Thị Hồng Pha và ông Huỳnh Minh Quan có 02 con chung là Huỳnh Nhã Trân, sinh ngày 04/9/2016 và Huỳnh Gia Hưng, sinh ngày 23/7/2019.

Giao con chung là cháu Nhã Trân và cháu Gia Hưng cho bà Nguyễn Thị Hồng Pha được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nhã Trân và cháu Gia Hưng đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc bà Pha không yêu cầu ông Quan cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung:*

3.1 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Pha về việc yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 460, tờ bản đồ số 34 diện tích 317,6m² tọa lạc xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3.2 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Pha về việc yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà trên thửa đất 460, tờ bản đồ số 34, diện tích 316,7m^2 toạ lạc tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông Quan được nhận tài sản chung là căn nhà trên thửa đất số 460, có kết cấu: móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che ngăn phòng xây gạch dày 10cm, trần nhựa, nền lát gạch ceramic, mái tôn tráng kẽm, có diện tích 63m^2; nhà sau có kết cấu: cột bê tông đúc sẵn, vách gỗ tạp, nền lát gạch ceramic, mái tôn tráng kẽm có diện tích 12,5m^2. Ông Quan có nghĩa vụ giao lại cho bà Pha ½ giá trị căn nhà là 99.602.400 (chín mươi chín triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng Pha về việc yêu cầu huỷ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 05/9/2024 giữa ông Huỳnh Minh Quan và ông Huỳnh Văn Thuận đối với thửa đất số 460, tờ bản đồ số 34, diện tích 316,7m^2 toạ lạc tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Huỳnh Văn Trung về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

Buộc ông Huỳnh Minh Quan phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn Trung số tiền vốn vay là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, ghi nhận ông Trung không yêu cầu tính lãi số tiền này.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn Trung về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng Pha có nghĩa vụ liên đới cùng ông Huỳnh Minh Quan trả số tiền trên cho ông.

6. Về án phí:

6.1 Bà Nguyễn Thị Hồng Pha phải chịu án phí tổng cộng là 5.580.120 (năm triệu năm trăm tám mươi nghìn một trăm hai mươi) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Pha đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm tiền số 0004390 ngày 04 tháng 11 năm 2024; 10.764.000 (mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010595 ngày 17 tháng 4 năm 2025 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010559 ngày 10 tháng 4 năm

2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Pha được hoàn lại số tiền 5.783.880 (năm triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn tám trăm tám mươi) đồng.

6.2 Ông Huỳnh Minh Quan phải chịu án phí tổng cộng là 8.980.120 (tám triệu chín trăm tám mươi nghìn một trăm hai mươi) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

6.3 Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn Trung số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0007753 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

7. Về chi phí tố tụng tổng cộng là: 4.853.000 (bốn triệu tám trăm năm mươi ba nghìn) đồng. Buộc ông Huỳnh Minh Quan chịu là 3.787.000 (ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Hồng Pha chịu là: 1.066.000 (một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Do bà Pha đã nộp đủ chi phí tố tụng nên buộc ông Quan có nghĩa vụ trả lại cho bà Pha số tiền 3.787.000 (ba triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hoà;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang